

# HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC TIẾNG NHẬT CỦA SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Trần Lan Phương

Đại học Bách khoa Hà Nội

Email: [phuong.tranlan@hust.edu.vn](mailto:phuong.tranlan@hust.edu.vn)

## Article history

Received: 16/01/2024

Accepted: 24/02/2024

Published: 20/3/2024

## Keywords

Self-study, Japanese, Blended learning, students of the Faculty of Foreign Languages, Hanoi University of Science and Technology

## ABSTRACT

Self-study and self-research activities have become mandatory requirements in the credit system training model. In particular, in Blended learning credit-based courses, the role of self-study is enhanced more than ever, requiring students to have greater self-discipline and to make efforts to study, especially is to improve awareness about and quality of self-study and self-research to be able to complete the training program and meet the increasing demands of society. The article analyzes the survey results on the current situation of Japanese language self-study of students at the Faculty of Foreign Languages - Hanoi University of Science and Technology in the first semester of the 2023-2024 school year, thereby providing some suggestions to help students' self-study activities become more effective.

## 1. Mở đầu

Đại học Bách khoa Hà Nội áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ từ năm 2007. Hình thức tổ chức dạy học theo phương thức tín chỉ quy định hoạt động tự học của sinh viên (SV) như là một thành phần bắt buộc trong thời khóa biểu và là một nội dung quan trọng để đánh giá kết quả học tập. Hoạt động dạy - học theo tín chỉ được tổ chức theo 3 hình thức: lên lớp, thực hành và tự học. Trong giờ lên lớp và giờ thực hành, giảng viên (GV) giảng bài, hướng dẫn; SV nghe giảng, thực hành, thực tập dưới sự hướng dẫn của GV. Quy chế đào tạo theo tín chỉ quy định số giờ tự học phải nhiều gấp đôi số giờ trên lớp. Đối với các học phần (HP) học theo mô hình kết hợp thì ngoài giờ lên lớp, SV có thời gian tự học trên hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS). Tỷ lệ thời gian học trên lớp - học trên LMS do nhóm chuyên môn lựa chọn, có thể là 30%-70% hoặc 50%-50% tùy vào HP. Các hoạt động, nhiệm vụ được thiết kế trên LMS để SV dễ dàng theo dõi và GV dễ dàng quản lý, đánh giá quá trình học tập của SV.

Trong bài báo này, sau phần trình bày một số khái niệm cơ bản cũng như tóm lược một số nghiên cứu liên quan về phương thức đào tạo theo tín chỉ, mô hình học tập kết hợp, khái niệm “tự học”, chúng tôi sẽ phân tích kết quả khảo sát về thực trạng tự học Tiếng Nhật của SV Khoa Ngoại ngữ - Đại học Bách khoa Hà Nội, từ đó đưa ra một số giải pháp để hoạt động tự học của SV đạt hiệu quả cao hơn.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số vấn đề lý luận

#### 2.1.1. Phương thức đào tạo theo tín chỉ

Đào tạo theo tín chỉ bắt đầu được áp dụng tại Trường Đại học Harvard (Hoa Kỳ) vào năm 1872, sau đó được mở rộng ra Bắc Mỹ và trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh là trường đầu tiên áp dụng từng bước quy trình đào tạo tín chỉ từ năm 1995. Cho đến nay, gần như tất cả các trường đại học đã và đang chuyển đổi từ phương thức đào tạo niên chế sang phương thức đào tạo theo tín chỉ ở nhiều mức độ khác nhau.

Đào tạo theo tín chỉ là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp HP, cho phép SV tích lũy tín chỉ của từng HP và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo (Bộ GD-ĐT, 2021).

Điều 4 mục 1 trong Quy chế Đào tạo 2023 của Đại học Bách khoa Hà Nội có ghi: tín chỉ là đơn vị đo khối lượng học tập. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá (Đại học Bách khoa Hà Nội, 2023).

Học theo phương thức tín chỉ, SV có thể tốt nghiệp sớm hơn thời gian dự kiến của nhà trường nếu SV biết sắp xếp thời gian học hợp lý và có phương pháp học tập khoa học, hiệu quả. Mỗi học phần đều quy định số giờ tự học của SV, thông thường một giờ lý thuyết trên lớp thì có hai giờ SV phải tự học. Hoạt động tự học của SV được kiểm tra, đánh giá thường xuyên thông qua các bài kiểm tra, thảo luận... Như vậy, trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, hoạt động tự học, tự nghiên cứu là yêu cầu bắt buộc đối với SV để hoàn thành HP, hoàn thành chương trình đào tạo.

### 2.1.2. Mô hình học tập kết hợp

Theo Tinio (2003), mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) để chỉ các mô hình học tập kết hợp giữa hình thức lớp học truyền thống và các giải pháp E-learning. Người học được tham gia vào các lớp học ảo, được tương tác với các nội dung học tập đa dạng như video, audio, tệp bài giảng được GV chia sẻ, các bài tập bổ trợ, các bài kiểm tra, đánh giá kiến thức phù hợp. Ngoài ra, người học được tương tác với GV và bạn học thông qua hệ thống diễn đàn, blog, email, trao đổi nhóm... Trong nhóm, mọi người có thể tương tác với nhau để cùng thảo luận, chia sẻ kiến thức, tài nguyên, kinh nghiệm,... thậm chí gồm cả các bài kiểm tra, đánh giá nhanh. Người dạy thường sẽ là trưởng nhóm nên dễ dàng quản lý và định hướng cho người học tiếp cận vấn đề. Có thể nói, đây là một trong những ứng dụng học tập thân thiện và dễ truy cập đối với người học.

Garrison và Kanuka (2004) cho rằng xã hội và công nghệ sẽ làm thay đổi căn bản cách chúng ta giao tiếp và học tập. Học tập kết hợp là một chiến lược hiệu quả, giúp các trường đại học sẵn sàng đón nhận sự phát triển của công nghệ trong tương lai. Garrison và Kanuka đưa ra 6 mô hình học tập kết hợp như sau:

- *Mô hình Face-To-Face Driver*: GV cung cấp tài liệu học tập và thực hiện đánh giá trên nền tảng kỹ thuật số. Người học đọc tài liệu trước khi đến lớp và làm bài tập qua hệ thống, dành nhiều thời gian trên lớp để tham gia học tập, trao đổi, thảo luận. Mô hình này giúp người dạy có nhiều thời gian hỗ trợ người học, phù hợp với lớp học có các thành viên chênh lệch về trình độ.

- *Mô hình Rotation*: SV học luân phiên giữa mô hình học tập truyền thống (face to face) và học tập trực tuyến theo thời khoá biểu. Mô hình này tạo được tính linh hoạt, GV có thể hỗ trợ SV những nội dung học trực tuyến mà SV không hiểu vào buổi học trực tiếp ngay sau đó.

- *Mô hình Flex*: GV đưa ra định hướng, hướng dẫn SV chủ động học tập theo mô hình học tập trực tuyến, giờ học trực tiếp để trao đổi, thảo luận, giải đáp thắc mắc. Mô hình này giúp SV phát huy được khả năng tự học, tự nghiên cứu; chủ động về thời gian, không gian, thời lượng học tập phù hợp với năng lực, nhu cầu của bản thân.

- *Mô hình Online Labs*: Chương trình giảng dạy được thực hiện trên nền tảng kỹ thuật số tại phòng máy chuyên dụng. SV thường tham gia các lớp học truyền thống trong mô hình này, được quản lý và giám sát của các giám sát viên khoá học.

- *Mô hình Self-blend*: SV có thể đăng kí học trực tuyến các môn học ngoài chương trình. Mô hình này khuyến khích người học nâng cao kiến thức, mở rộng chuyên môn, học thêm các môn học theo sở thích cá nhân.

- *Mô hình Online driver*: toàn bộ khoá học được thực hiện online. GV cung cấp bài giảng, hướng dẫn, bài tập... trên nền tảng kỹ thuật số. Các vấn đề thắc mắc cần hỗ trợ đều được tiến hành trực tuyến và chỉ được thiết lập trực tiếp khi thực sự cần thiết.

Học tập kết hợp dù được áp dụng theo hình thức nào hay theo mô hình nào thì vai trò tự học của SV là rất quan trọng, quyết định chất lượng học tập của SV.

### 2.1.3. Khái niệm “tự học”

Nguyễn Cảnh Toàn (2001, tr 407) định nghĩa: “*Tự học là tự mình dùng các giác quan để thu nhận thông tin rồi tự mình động não, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp) và có khi cả cơ bắp (phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, rồi cả động cơ, tình cảm, cá nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh được một lĩnh vực hiểu biết nào đó, một số kỹ năng nào đó, một số phẩm chất nào đó của nhân loại hay cộng đồng biến chúng thành sở hữu của mình*”. Lê Đức Phúc (2006) đưa ra khái niệm “tự học” như sau: Tự học là hoạt động do bản thân người học quyết định, thực hiện và điều chỉnh một cách tự giác, tích cực, nhằm đạt tới mục tiêu do nhà trường và bản thân đề ra. Mục tiêu đó bao gồm: kiến thức, kỹ năng và thái độ; Các mục tiêu đáp ứng yêu cầu chuẩn bị vào đời, thực hiện tốt các chức năng và vị thế với tư cách là cá nhân, thành viên của gia đình và xã hội. Tác giả cũng nêu vai trò của tự học như sau: đáp ứng nhu cầu và điều kiện học, học suốt đời của mọi người trong xã hội; là hình thức chủ yếu của việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ dân trí; là một bộ phận của hoạt động bổ ích trong thời gian nhàn rỗi. Như vậy, có thể coi tự học là “chia khoá vàng” để thành công trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay. Với thời lượng có hạn trên giảng đường, SV phải tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu thì mới có thể hoàn thành chương trình học.

Giải pháp giúp SV có thể tự học hiệu quả là xây dựng một công cụ giảng dạy và học tập dựa trên sự hỗ trợ của công nghệ và tích hợp được đầy đủ các yếu tố: vừa là giáo trình, vừa là tài liệu tự học; vừa dùng để học tập chính khoá, vừa dùng để tự học ngoài giờ. Công cụ này cần có tính tương tác cao để GV có thể theo dõi được quá trình tự học của SV và đặc biệt các tài liệu đăng lên hệ thống phải được chọn lọc kỹ, độ tin cậy và kèm theo các hoạt động hướng dẫn chi tiết. Xây dựng chương trình dạy học theo hình thức kết hợp trên nền tảng LMS là giải pháp phù hợp, có thể đáp ứng được yêu cầu trên.

## 2.2. Giới thiệu học phần Tiếng Nhật học theo hình thức học tập kết hợp trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật của Đại học Bách khoa Hà Nội

Trong khuôn khổ của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật của Đại học Bách khoa Hà Nội, SV phải học 4 HP Ngoại ngữ 2. Từ kì 3, SV có thể lựa chọn 1 trong 3 mô-đun: tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Trung. Tổng số tín chỉ Ngoại ngữ 2 mà SV cần hoàn thành trong chương trình đào tạo là 10 tín chỉ.

Để giúp SV có thể học tập hiệu quả, tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu, nhóm GV tiếng Nhật đã xây dựng hai HP tiếng Nhật học theo hình thức học tập kết hợp. Trong *Quy định Tổ chức hoạt động dạy - học trên nền tảng công nghệ kết nối và trực tuyến* của Đại học Bách khoa Hà Nội, điều 2 mục 2 có ghi: Dạy - học hỗn hợp kết hợp giữa dạy - học trực tuyến trên lớp học theo thời khóa biểu học tập và truyền phát bài giảng điện tử có kiểm soát bằng một hệ thống quản trị học tập (viết tắt theo tên tiếng Anh là LMS). Thời lượng truyền phát bài giảng điện tử được quy chuẩn về tiết học theo đề cương HP với tần suất truyền phát thường xuyên để người học có thể tiếp cận trong cả học kì. Thời lượng video bài giảng trong khoảng 15-30 phút, thời gian còn lại của tiết học là dành cho SV tự làm bài tập trắc nghiệm ngắn (quiz) hoặc trả lời câu hỏi để hiểu, nắm bắt tốt hơn nội dung của bài học. GV thông qua quiz để đánh giá tiến bộ của SV trong quá trình học tập, lấy kết quả bài quiz, mini test làm căn cứ đánh giá điểm quá trình của HP (trọng số tối thiểu là 0,3 điểm HP (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 2021).

SV học HP Tiếng Nhật I theo hình thức học tập kết hợp với tỉ lệ là 25% - 75%: SV học 4 tiết/1 tuần, trong đó có 3 tiết học trên lớp, 1 tiết tự học trên LMS (xem video bài giảng, làm quiz, bài tập, luyện nghe...). Do đó, theo quy định thì số giờ tự học của SV học HP Tiếng Nhật I tối thiểu là khoảng 7 giờ/tuần. Đối với HP Tiếng Nhật III thì tỉ lệ là 33% - 67%: 1 tuần SV học 2 tiết trên lớp, 1 tiết tự học trên LMS. Do đó, số giờ tự học theo quy định đối với SV học Tiếng Nhật III tối thiểu là 5 giờ/tuần. Hoạt động tự học của SV trên LMS được kiểm tra, đánh giá thường xuyên thông qua các bài tập, bài kiểm tra, các buổi thảo luận... trong suốt cả quá trình học.

Theo yêu cầu của GV, SV học HP Tiếng Nhật I, Tiếng Nhật III theo hình thức học tập kết hợp cần hoàn thành các bài mini test, quiz, tham gia thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm học tập trên forum; những nội dung này sẽ tính vào điểm quá trình. Ngoài ra, GV cũng đăng lên LMS nhiều tài liệu tham khảo, bài luyện nghe để khuyến khích SV tự học. Nội dung này không tính vào điểm quá trình.

## 2.3. Khảo sát thực trạng vấn đề tự học tiếng Nhật của sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Đại học Bách khoa Hà Nội

### 2.3.1. Khái quát về khảo sát

Sau khoá học, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát trên Microsoft Forms đối với 105 SV của 4 lớp HP Tiếng Nhật I, Tiếng Nhật III tại Khoa Ngoại ngữ - Đại học Bách khoa Hà Nội. Bảng khảo sát thể hiện nhận thức của SV về tầm quan trọng của việc tự học, phương pháp tự học mà SV đang áp dụng và những khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình tự học, tự nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu: điều tra bằng bảng hỏi, sau đó sử dụng phương pháp mô tả để phân tích, xử lý số liệu.

Thời gian thực hiện khảo sát: tháng 12/2023.

### 2.3.2. Kết quả khảo sát

#### 2.3.2.1. Về nhận thức

- Với câu hỏi: “Em đánh giá thế nào về tầm quan trọng của việc tự học?”, các phương án lựa chọn là: Rất quan trọng, Quan trọng, Ít quan trọng, Không quan trọng. Kết quả thu được như sau: có 94 SV cho rằng tự học “rất quan trọng” (89,5%), 9 SV cho rằng tự học là “quan trọng” (8,6%), chỉ có 2 SV trả lời là “ít quan trọng” (1,9%), không có SV nào cho rằng tự học là “không quan trọng”. Như vậy, đại đa số SV được khảo sát đã có nhận thức đúng về tầm quan trọng của tự học.

- Với câu hỏi (SV có thể chọn nhiều phương án trả lời): “Mục đích học tiếng Nhật và mục tiêu trước mắt của SV khi lựa chọn học ngoại ngữ 2 là tiếng Nhật?”, chúng tôi thu được kết quả như sau: có 67 lượt lựa chọn học tiếng Nhật để “nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh của bản thân”, 66 lượt chọn học tiếng Nhật là “do yêu cầu của chương trình học” (đáp ứng chuẩn đầu ra), 54 lượt chọn “học vì sở thích”, 44 lượt chọn “muốn làm việc tại một công ty hay tổ chức của Nhật sau khi tốt nghiệp”, 25 lượt chọn học để “luyện thi lấy chứng chỉ” và chỉ có rất ít SV (4/105 SV) trả lời lựa chọn “học tiếng Nhật theo trào lưu”. Điều này cho thấy phần lớn SV học tiếng Nhật với mục đích rất rõ ràng, thực tế, chứ không phải lựa chọn theo cảm tính và các em cũng có mục tiêu rõ ràng đối với HP đang theo học: có 83 SV (79%) mong muốn đạt loại A, A+ ở HP mà mình lựa chọn, chỉ có 7 SV (6,6%) đạt mục tiêu qua môn.

- Để biết SV đã hiểu đúng quy định về thời gian tự học hay chưa, chúng tôi đặt câu hỏi: “Theo em, HP này yêu cầu thời lượng tối thiểu đối với việc tự học là bao nhiêu?” và cho các em một số phương án để lựa chọn “4-6 tiếng/tuần”, “6-8 tiếng/tuần”, “trên 8 tiếng/tuần”, “không có quy định”, “em không biết”. Câu trả lời thu được như sau, đối chiếu

với thời lượng theo quy định thì chỉ có 24 SV học HP Tiếng Nhật I trả lời đúng, chiếm 48%; có 41 SV học HP Tiếng Nhật III trả lời đúng (4,5%). Đề cương môn học trong đó có ghi rõ thời lượng học trên lớp cũng như thời lượng yêu cầu đối với việc tự học của SV đã được GV đăng trên LMS trước khi bắt đầu kì học. Tuy nhiên, đến cuối kì vẫn có SV chưa biết thông tin này, một số SV dù học năm 2, năm 3 còn mơ hồ về quy định, quy chế của nhà trường.

### 2.3.2.2. Về thời gian thực hiện tự học; kỹ năng, nội dung tự học

- Khi khảo sát thời gian tự học của SV, kết quả chúng tôi thu được không tỉ lệ với nhận thức của SV. Cụ thể: đối với HP Tiếng Nhật I, có 17/50 SV đáp ứng đúng thời gian tự học, đạt 34%; đối với HP Tiếng Nhật III thì chỉ có 11/55 SV đáp ứng thời gian tự học, đạt 20%; rất nhiều SV chỉ học 1 buổi/tuần vào trước buổi lên lớp và thời gian quá ít (khoảng 1 - 2 tiếng/tuần) hoặc không có kế hoạch, không có thời gian cố định. Tỉ lệ này quá thấp, cần phải có giải pháp giúp SV tăng thời gian tự học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình học.

- Tìm hiểu về kỹ năng, nội dung tự học tiếng Nhật của SV, nhóm nghiên cứu thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Mức độ thực hiện các kỹ năng tự học của SV

STT	Các kỹ năng, nội dung tự học	Mức độ %				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Ít khi	Rất ít khi	Không bao giờ
1	Lập kế hoạch tự học	2,0	34,0	53,4	8,0	2,4
2	Chú ý nghe giảng, tự ghi chép bài	19,9	60,2	16,6	3,3	0,0
3	Làm bài tập trong giáo trình; quiz, mini test trên LMS	13,7	54,4	26,6	5,2	0,0
4	Làm bài luyện nghe trên LMS	7,1	36,3	39,0	15,7	1,9
5	Luyện nói tiếng Nhật với bạn, thảo luận theo nhóm	9,4	28,4	36,4	17,9	7,9
6	Đọc sách, tìm hiểu về ngôn ngữ, văn hoá Nhật Bản	6,2	25,1	42,4	19,0	7,3
7	Xem hoạt hình, truyện tranh của Nhật	30,6	34,3	26,9	6,3	1,8
8	Tham gia câu lạc bộ, kết bạn để luyện nói tiếng Nhật	2,5	11,83	25,1	23,8	36,7
9	Tự kiểm tra kết quả tự học của bản thân	5,2	29,3	39,7	19,6	6,2
10	Làm lại bài nếu kết quả chưa như kì vọng	9,6	33,3	29,2	14,8	3,0
11	Đánh giá, điều chỉnh kế hoạch, phương pháp học	7,6	39,1	37,9	10,5	4,9

Qua phần trả lời câu hỏi của SV, chúng tôi nhận thấy rõ rằng: những nội dung bắt buộc, được tính vào điểm thành phần, đã được GV thông báo tới SV từ đầu kì học thì được SV hoàn thành ở mức “rất thường xuyên” và “thường xuyên” như nội dung “chú ý nghe giảng, ghi chép bài” đạt 80,1%, nội dung “làm bài tập trong giáo trình, quiz, mini test trên LMS” đạt 68,1%. Đối với những nội dung được khuyến khích, không tính vào điểm quá trình thì số SV thực hiện chưa được phân nửa: 43,4% SV làm bài luyện nghe trên LMS, 37,8% SV luyện nói tiếng Nhật với bạn, thảo luận theo nhóm, 31,3% SV tự đọc sách tìm hiểu về ngôn ngữ, văn hoá Nhật Bản; 14,33% SV tham gia câu lạc bộ, kết bạn để luyện nói tiếng Nhật ở mức “rất thường xuyên” và “thường xuyên”. Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết do SV học chuyên ngành chính là tiếng Anh, tiếng Nhật là “ngoại ngữ thứ 2” nên các em không đủ thời gian để thực hiện những kỹ năng tự học trên một cách thường xuyên mặc dù biết là rất quan trọng.

### 2.3.2.3. Về nguyên nhân, kết quả

- Khi được hỏi “Em đánh giá hiệu quả tự học tiếng Nhật của em ở mức nào?” thì có 21 SV trả lời “rất hiệu quả” và “hiệu quả”, chiếm 13%; 14 SV trả lời “không hiệu quả” và “rất không hiệu quả”, chiếm 20%; 70 SV đánh giá hiệu quả tự học của mình ở mức bình thường, chiếm 67%.

- Để tìm hiểu về nguyên nhân khiến việc tự học của SV không đạt như mong đợi, chúng tôi hỏi SV: “Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tự học của SV”, câu trả lời thu được như sau:

Bảng 2. Yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tự học của SV

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Số lượt chọn	Tỉ lệ (%)
1	Ý thức tự giác, kỉ luật chưa cao	86	81,9
2	Phương pháp học tập chưa phù hợp	56	53,3
3	Sắp xếp thời gian chưa hợp lí	58	55,2
4	Thời gian tự học chưa đủ	38	36,2
5	Hạn chế về kiến thức (hổng kiến thức)	40	38,1
6	Thiếu tài liệu tham khảo	7	6,7
7	Thiếu sự giúp đỡ từ phía GV	5	4,8
8	Không có nơi học tập yên tĩnh	13	12,4
9	Quá tải về chương trình (học nhiều HP cùng lúc, các HP đều nhiều bài tập)	37	35,2
10	Có nhiều việc khác làm xao nhãng (làm thêm, mạng xã hội, giải trí, bạn bè...)	65	61,9

Câu trả lời của SV cho thấy rằng nguyên nhân chủ yếu mang tính chủ quan. Các em cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc tự học không đạt hiệu quả là do “phương pháp học tập chưa phù hợp” có 56 lượt chọn, “sắp xếp thời gian chưa hợp lí” có 58 lượt chọn, “có nhiều việc làm xao nhãng như làm thêm, mạng xã hội, giải trí, bạn bè...” có 65 lượt chọn, số lượt chọn nhiều nhất là 86 lượt “do ý thức tự giác, kỉ luật chưa cao”. Nguyên nhân “thiếu tài liệu tham khảo” chỉ có 7 lượt chọn, “thiếu sự giúp đỡ từ phía GV” chỉ có 5 lượt chọn. Do giờ dạy trên lớp có hạn mà lượng kiến thức GV muốn truyền đạt nhiều nên GV đã đưa đầy đủ tài liệu học, tài liệu tham khảo... lên LMS và có nhiều kênh để hỗ trợ SV khi cần: forum trên LMS, chat trên Teams, hỏi qua mail, hỏi trực tiếp GV trong các giờ học trên lớp.

- Dựa vào những yếu tố ảnh hưởng mang tính chủ quan và khách quan, chúng tôi hỏi SV “Em đề xuất phương án nào để nâng cao hiệu quả của việc tự học tiếng Nhật” thì nhận được câu trả lời như sau:

Bảng 3. Đề xuất phương án nâng cao hiệu quả của việc tự học tiếng Nhật

Yếu tố	Nội dung đề xuất	Số lượt chọn	Tỉ lệ (%)
Khách quan	Trường mở thêm nhiều phòng tự học để SV có không gian yên tĩnh học tập	36	34,3
	Thư viện trường cung cấp nhiều tài liệu học tiếng Nhật hơn để SV tiện tra cứu	28	26,7
	GV cung cấp nhiều tài liệu, giao nhiều bài tập	25	23,8
	GV hướng dẫn nhiều hơn về phương pháp tự học tiếng Nhật	39	37,1
	Có bạn đồng hành để nhắc nhở, cùng nhau phấn đấu	32	30,5
	GV giám sát bài tập, mini test trên LMS (bởi có nhiều môn học, môn học nào cũng có nhiều bài tập...)	14	13,3
Chủ quan	Em sẽ kỉ luật với bản thân (giới hạn thời gian dùng mạng xã hội,...)	76	72,4
	Em sẽ sắp xếp thời gian hợp lí, khoa học hơn	84	80

Theo khảo sát thì 100% SV đang học HP Tiếng Nhật I, Tiếng Nhật III được trang bị đầy đủ máy tính, điện thoại thông minh, mạng Internet để học tập và nghiên cứu. Đây vừa là điều kiện thuận lợi song cũng vừa là thách thức đối với SV. Trên mạng có nhiều nội dung hấp dẫn, SV rất dễ bị xao nhãng chuyện học hành. SV cũng đã nhận thức được và thấy rằng để nâng cao hiệu quả của việc tự học thì giải pháp nằm ở chính các em: có 76 SV thấy rằng mình cần “phải kỉ luật hơn với bản thân, nghiêm túc học tập”; có 84 SV thấy cần “phải sắp xếp thời gian hợp lí hơn, khoa học hơn, cân đối thời gian giữa việc học và việc làm thêm”. Những vấn đề này cũng trùng khớp với những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tự học mà SV nêu ra ở bảng 2.

#### 2.4. Một số giải pháp giúp việc tự học của sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Đại học Bách khoa Hà Nội đạt hiệu quả cao hơn

Sau khi kết thúc HP, chúng tôi đã lấy ý kiến của SV, phân tích, tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp giúp SV nâng cao hiệu quả của quá trình tự học.

##### 2.4.1. Về phía giảng viên

- *Nâng cao nhận thức cho SV về vị trí, vai trò của hoạt động tự học*: GV nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tự học và cung cấp cho SV thông tin về thời gian tối thiểu đối với việc tự học trong mô hình đào tạo theo tín chỉ nói chung và các HP Tiếng Nhật nói riêng. Kết quả khảo sát nêu trên (52% SV học HP Tiếng Nhật I trả lời sai và 25,5 % SV học HP Tiếng Nhật III trả lời sai câu hỏi “Theo em, học phần này yêu cầu thời lượng tối thiểu đối với việc tự học của SV là bao nhiêu?”) khiến nhóm nghiên cứu khá bất ngờ. Điều này cho thấy sự cần thiết của việc lấy ý kiến của SV trong và sau khóa học để GV có thể can thiệp, điều chỉnh kịp thời.

- *Đổi mới phương pháp giảng dạy*: Nhóm nghiên cứu đề xuất thử nghiệm mô hình dạy học “Lớp học đảo ngược”: yêu cầu SV xem clip, chuẩn bị một nội dung nào đó ở nhà để buổi sau trình bày trước lớp, tổ chức thảo luận... (có thể thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân). Phương pháp này buộc SV phải tự học kiến thức, nghiên cứu cách truyền đạt nội dung bài giảng và chuẩn bị ứng phó với những vấn đề, câu hỏi mà GV và bạn bè có thể hỏi vào hôm sau.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin nhiều hơn trong hoạt động giảng dạy*: Gomes da Silva & Silva de Souza (2016, tr 2) cho rằng hình thức học tập Blended Learning vẫn có sự kết hợp của các phương pháp giảng dạy khác nhau, sự tương tác với các công nghệ khác nhau và việc áp dụng không gian ảo trong quá trình dạy học. Các giờ học tiếng Nhật từ trước đến giờ đều được tổ chức tại phòng học truyền thống (có bảng phấn, có vô tuyến, máy chiếu, loa bluetooth, wifi). Để SV có cơ hội thực hành tiếng nhiều hơn, chúng tôi đã đăng kí thử nghiệm dạy một số lớp tiếng Nhật tại phòng lab từ kì học tới tạo điều kiện cho SV được luyện nghe nói nhiều hơn, được tham gia các hoạt động cá nhân, nhóm để tăng cường khả năng ngôn ngữ và sự tự tin trong giao tiếp.

#### 2.4.2. Về phía sinh viên

- *Lập kế hoạch học tập và kiên trì thực hiện.* Có thể nói rằng lập kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch là nhiệm vụ quan trọng của SV, nó quyết định hiệu quả của quá trình tự học. Đối với các HP Tiếng Nhật học theo hình thức kết hợp, GV đã xây dựng kế hoạch học tập theo từng tuần học, rất cụ thể, chi tiết. SV dựa vào kế hoạch học tập của HP, lập bảng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân, chia theo thời gian và nội dung công việc. SV nên học thường xuyên, khoảng 3-4 buổi/tuần thay vì học 1 buổi vào trước buổi học trên lớp như hiện tại và mỗi buổi học 1-2 tiếng tùy vào học phần. Trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch, SV phải tự giác, tích cực, chủ động, đặc biệt phải có ý chí quyết tâm để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- *Có phương pháp tự học hiệu quả:* Theo Trịnh Hoài Sơn (2021), việc học tập theo mô hình học tập kết hợp khuyến khích cá nhân hoá trải nghiệm E-learning, hỗ trợ người học mọi lúc, mọi nơi. Học không phải chỉ có ngồi vào bàn, đọc tài liệu, ghi chép hay viết nhiều mới có hiệu quả. Qua kết quả khảo sát ở bảng 1, chúng tôi thấy SV đã áp dụng nhiều phương pháp “học mà chơi, chơi mà học” như: xem hoạt hình, truyện tranh của Nhật, tham gia câu lạc bộ, kết bạn luyện nói tiếng Nhật, tìm hiểu ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản, tạo niềm đam mê với tiếng Nhật. Những kinh nghiệm học nghe, học từ vựng, học Kanji cũng được GV đưa ra để SV thảo luận trên LMS. SV có thể học hỏi, tham khảo, trao đổi kinh nghiệm và tìm ra phương pháp tự học hiệu quả đối với bản thân.

- *Nghiêm khắc với bản thân, sắp xếp thời gian hợp lý hơn, khoa học hơn:* Mặc dù SV hiểu rất rõ về tầm quan trọng của việc tự học nhưng có em sắp xếp thời gian chưa hợp lý, chưa biết cân đối giữa việc học và làm thêm, có em bị nhiều việc làm xao nhãng như: chơi game, phim ảnh, mạng xã hội... nên thời gian tự học chưa đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. SV cần rèn luyện tính kỉ luật trong mọi vấn đề, trước hết là kỉ luật trong học tập, khi học cần tập trung cao độ, không dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố của môi trường bên ngoài khiến hoạt động tự học không đạt hiệu quả.

### 3. Kết luận

Có thể khẳng định rằng: không có một trường lớp nào có thể dạy hết kiến thức cho người học, càng học lên cao thì kĩ năng tự học càng quan trọng. Với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ như hiện nay, GV cần đặc biệt chú trọng tới việc dạy phương pháp, dạy cách tư duy, cách phân biện, giúp SV nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới trong trong khoa học, trong cuộc sống. Tự học giúp SV có thể chủ động học tập suốt đời, thích ứng được nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực sau khi tốt nghiệp.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng tự học của SV học HP Tiếng Nhật I và HP Tiếng Nhật III tại Khoa Ngoại ngữ - Đại học Bách khoa Hà Nội cho thấy, đa số SV có nhận thức tốt, có kĩ năng tự học nhưng hiệu quả chưa cao. Chúng tôi hi vọng nghiên cứu này sẽ giúp SV hiểu thêm về tầm quan trọng của tự học và có phương pháp học tập phù hợp; quyết tâm, nỗ lực để nâng cao hiệu quả tự học của bản thân, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

#### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2021). *Quy chế đào tạo trình độ đại học* (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Đại học Bách khoa Hà Nội (2023). *Quy chế Đào tạo* (ban hành kèm theo Quyết định số 4600/QĐ-ĐHBK ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội).
- Garrison, D. R., & Kanuka, H. (2004). Blended Learning: uncovering its transformative potential in higher education. *Internet and Higher Education* 7, 95-105.
- Gomes da Silva, V., & Silva de Souza, R. (2016). E-learning, B-learning, M-learning and the technical and pedagogical aspects on the new platform trends as massive open online courses. *Brasil. Universidade do Estado do Amazonas*.
- Lê Đức Phúc (2006). Một số cơ sở lí luận và thực tiễn của việc nghiên cứu sự tự học của sinh viên. *Tạp chí Tâm lí học*, 9(90), 7-14.
- Nguyễn Cảnh Toàn (2001). *Tuyển tập tác phẩm tự giáo dục, tự học, tự nghiên cứu* (tập I). NXB Đại học Sư phạm, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
- Tinio, V. L. (2003). *ICT in Education*. New York.
- Trịnh Hoài Sơn (2021). *Nghiên cứu đề xuất kiến nghị nâng cao hiệu quả mô hình đào tạo Blended Learning - Nghiên cứu điển hình tại một số trường đại học trên địa bàn Hà Nội*. Hội thảo khoa học quốc gia “Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng Blended Learning”, tr 17-28.
- Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (2021). *Quy định Tổ chức hoạt động dạy - học trên nền tảng công nghệ kết nối và trực tuyến* (ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-ĐHBK-ĐT ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội).